

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thành lập
một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Xét đề nghị của Chính phủ tại các Tờ trình số 78/TTr-CP, 80/TTr-CP và 82/TTr-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 và Báo cáo thẩm tra số 2287/BC-UBPL14 ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Pháp luật,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh địa giới hành chính các xã Bàu Hàm 2, Hưng Lộc, Quang Trung, Xuân Thạnh và thành lập thị trấn Dầu Giây thuộc huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

I. Điều chỉnh địa giới hành chính các xã Bàu Hàm 2, Hưng Lộc, Quang Trung và Xuân Thạnh thuộc huyện Thống Nhất:

a) Điều chỉnh 4,69 km² diện tích tự nhiên và 13.692 người của xã Bàu Hàm 2 vào xã Xuân Thạnh;

b) Điều chỉnh 5,43 km² diện tích tự nhiên và 2.300 người của xã Bàu Hàm 2 vào xã Hưng Lộc;

c) Điều chỉnh 14,07 km² diện tích tự nhiên và 42 người của xã Xuân Thạnh vào xã Bàu Hàm 2;

d) Điều chỉnh 8,79 km² diện tích tự nhiên và 4.266 người của xã Xuân Thạnh vào xã Hưng Lộc;

đ) Điều chỉnh 5,97 km² diện tích tự nhiên và 2.974 người của xã Quang Trung vào xã Bầu Hàm 2.

2. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính các xã Bầu Hàm 2, Hưng Lộc, Quang Trung và Xuân Thạnh thuộc huyện Thống Nhất:

a) Xã Bầu Hàm 2 có 30,11 km² diện tích tự nhiên, dân số 10.739 người.

Địa giới hành chính xã Bầu Hàm 2: Đông giáp thành phố Long Khánh; Tây giáp huyện Trảng Bom; Nam giáp thị trấn Dầu Giây và xã Hưng Lộc; Bắc giáp xã Quang Trung và xã Xuân Thiện;

b) Xã Hưng Lộc có 35,13 km² diện tích tự nhiên, dân số 18.912 người.

Địa giới hành chính xã Hưng Lộc: Đông giáp thành phố Long Khánh; Tây giáp huyện Trảng Bom; Nam giáp xã Lộ 25 và huyện Cẩm Mỹ; Bắc giáp thị trấn Dầu Giây và xã Bầu Hàm 2;

c) Xã Quang Trung có 30,48 km² diện tích tự nhiên, dân số 23.283 người.

Địa giới hành chính xã Quang Trung: Đông giáp xã Xuân Thiện; Tây giáp huyện Trảng Bom; Nam giáp xã Bầu Hàm 2; Bắc giáp xã Gia Kiệm;

d) Xã Xuân Thạnh có 14,14 km² diện tích tự nhiên, dân số 23.309 người.

3. Thành lập thị trấn Dầu Giây trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Xuân Thạnh sau khi điều chỉnh địa giới hành chính.

Địa giới hành chính thị trấn Dầu Giây: Đông và Bắc giáp xã Bầu Hàm 2; Tây và Nam giáp xã Hưng Lộc.

4. Sau khi thành lập thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất có 10 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 09 xã và 01 thị trấn.

Điều 2. Thành lập thị trấn Hiệp Phước thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

1. Thành lập thị trấn Hiệp Phước thuộc huyện Nhơn Trạch trên cơ sở toàn bộ 18,83 km² diện tích tự nhiên, dân số 38.645 người của xã Hiệp Phước.

Địa giới hành chính thị trấn Hiệp Phước: Đông giáp huyện Long Thành; Tây giáp xã Long Tân và xã Phú Hội; Nam giáp xã Long Thọ và xã Phước An; Bắc giáp xã Phước Thiện.



2. Sau khi thành lập thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch có 12 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 11 xã và 01 thị trấn.

Điều 3. Thành lập 06 phường An Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Phước Tân, Tam Phước và Tân Hạnh thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

1. Thành lập phường An Hòa thuộc thành phố Biên Hòa trên cơ sở toàn bộ 9,21 km² diện tích tự nhiên, dân số 22.925 người của xã An Hòa.

Địa giới hành chính phường An Hòa: Đông giáp phường Phước Tân; Tây và Bắc giáp phường Long Bình Tân; Nam giáp xã Long Hưng.

2. Thành lập phường Hiệp Hòa thuộc thành phố Biên Hòa trên cơ sở toàn bộ 6,97 km² diện tích tự nhiên, dân số 15.468 người của xã Hiệp Hòa.

Địa giới hành chính phường Hiệp Hòa: Đông giáp phường An Bình và phường Bình Đa; Tây giáp phường Quyết Thắng và phường Bửu Hòa; Nam giáp phường Tân Vạn; Bắc giáp các phường Thống Nhất, Tân Mai và Tam Hiệp.

3. Thành lập phường Hóa An thuộc thành phố Biên Hòa trên cơ sở toàn bộ 6,85 km² diện tích tự nhiên, dân số 33.099 người của xã Hóa An.

Địa giới hành chính phường Hóa An: Đông giáp phường Bửu Hòa; Tây giáp phường Tân Hạnh và tỉnh Bình Dương; Nam giáp tỉnh Bình Dương; Bắc giáp các phường Bửu Long, Hòa Bình và Thanh Bình.

4. Thành lập phường Phước Tân thuộc thành phố Biên Hòa trên cơ sở toàn bộ 42,77 km² diện tích tự nhiên, dân số 52.602 người của xã Phước Tân.

Địa giới hành chính phường Phước Tân: Đông giáp phường Tam Phước và huyện Trảng Bom; Tây giáp xã Long Hưng, phường An Hòa và phường Long Bình; Nam giáp phường Tam Phước và xã Long Hưng; Bắc giáp huyện Trảng Bom.

5. Thành lập phường Tam Phước thuộc thành phố Biên Hòa trên cơ sở toàn bộ 45,10 km² diện tích tự nhiên, dân số 53.731 người của xã Tam Phước.

Địa giới hành chính phường Tam Phước: Đông giáp huyện Trảng Bom và huyện Long Thành; Tây giáp xã Long Hưng; Nam giáp huyện Long Thành; Bắc giáp phường Phước Tân và huyện Trảng Bom.

6. Thành lập phường Tân Hạnh thuộc thành phố Biên Hòa trên cơ sở toàn bộ 6,06 km² diện tích tự nhiên, dân số 9.407 người của xã Tân Hạnh.

Địa giới hành chính phường Tân Hạnh: Đông giáp sông Đồng Nai; Tây và Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Nam giáp phường Hóa An.

7. Sau khi thành lập 06 phường An Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Phước Tân, Tam Phước và Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa có 30 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 29 phường và 01 xã.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 09 huyện và 02 thành phố; 170 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 122 xã, 40 phường và 08 thị trấn.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, ổn định bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tên gọi gắn với địa danh các xã An Hòa, Hiệp Hòa, Hiệp Phước, Hóa An, Phước Tân, Tam Phước, Tân Hạnh và Xuân Thạnh phải hoàn thành việc đổi tên để hoạt động với tên gọi theo Nghị quyết này kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kim Ngân